

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

M.S.D.N.
★

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên	
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Vũ Khắc Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Triệu Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/02/2016
Ông Nguyễn Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Phương Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Như Quỳnh	Thành viên
Bà Hà Thị Thu Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

1111
CÔNG
CHÍNH
NG KI
AI
DANK

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2017

Số: 272/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel được lập ngày 26 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Trần Quang Mậu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		246.278.806.564	229.236.076.006
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	787.018.243	5.016.382.263
111	1. Tiền		787.018.243	5.016.382.263
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.389.827.136	147.411.477.141
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	206.670.317.653	179.785.552.839
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.941.400.419	9.336.776.696
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.190.389.616	2.039.889.838
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(42.412.280.552)	(43.750.742.232)
140	IV. Hàng tồn kho	9	69.128.187.013	74.077.717.948
141	1. Hàng tồn kho		73.440.560.013	81.531.717.948
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.312.373.000)	(7.454.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.973.774.172	2.730.498.654
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	19.628.802	26.122.491
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.954.145.370	2.704.376.163
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.283.023.311	29.230.657.130
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.000.000	40.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	40.000.000	40.000.000
220	II. Tài sản cố định		22.811.405.539	21.811.762.330
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	22.307.134.539	21.280.491.330
222	- Nguyên giá		66.645.654.909	61.218.823.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.338.520.370)	(39.938.332.403)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	504.271.000	531.271.000
228	- Nguyên giá		2.454.012.340	2.454.012.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.741.340)	(1.922.741.340)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		120.769.026	120.769.026
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	120.769.026	120.769.026
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	6.106.940.941	6.106.940.941
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.920.600.000	11.920.600.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.813.659.059)	(5.813.659.059)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.203.907.805	1.151.184.833
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.203.907.805	1.151.184.833
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		276.561.829.875	258.466.733.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		196.344.115.368	185.950.499.742
310	I. Nợ ngắn hạn		196.344.115.368	185.950.499.742
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	59.997.885.230	20.826.355.612
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.198.581.248	7.583.760.978
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	696.522.130	36.831.224
314	4. Phải trả người lao động		5.361.282.271	5.507.127.976
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	964.835.489	451.759.050
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.957.572.305	3.142.417.990
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	125.146.388.178	148.329.298.395
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.048.517	72.948.517
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.217.714.507	72.516.233.394
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	80.217.714.507	72.516.233.394
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		90.000.000.000	90.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.599.851.779	3.599.851.779
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.382.137.272)	(21.083.618.385)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(21.083.618.385)	(26.790.778.997)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		7.701.481.113	5.707.160.612
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		276.561.829.875	258.466.733.136

Kiều Thị Thu Hương
Người lập

Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.621.308.177.055	2.269.730.740.154
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.982.764.725	1.726.390.397
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.617.325.412.330	2.268.004.349.757
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.563.175.196.838	2.191.046.104.863
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.150.215.492	76.958.244.894
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	15.525.200.886	15.544.854.379
22	7. Chi phí tài chính	26	9.452.792.618	12.481.326.144
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.477.500.481	11.617.209.355
25	8. Chi phí bán hàng	27	34.574.580.668	78.305.190.464
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	18.894.737.163	19.101.789.421
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.753.305.929	(17.385.206.756)
31	11. Thu nhập khác	29	1.006.220.357	25.967.994.373
32	12. Chi phí khác	30	58.045.173	245.527.005
40	13. Lợi nhuận khác		948.175.184	25.722.467.368
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.701.481.113	8.337.260.612
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	2.630.100.000
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.701.481.113	5.707.160.612
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	856	634



Kiều Thị Thu Hương
Người lập



Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.701.481.113	8.337.260.612
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.427.187.967	4.397.726.583
03	- Các khoản dự phòng		(4.480.088.680)	(1.120.153.911)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(633.032)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(110.776.197)	(259.412.659)
06	- Chi phí lãi vay		8.477.500.481	11.617.209.355
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.015.304.684	22.971.996.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(24.889.657.522)	35.524.316.838
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.091.157.935	58.031.414.880
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		33.678.449.404	(7.711.253.758)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(46.229.283)	(607.843.111)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.524.424.042)	(11.745.355.305)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.630.100.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	458.580.700
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.900.000)	(66.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.272.701.176	94.224.957.192
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.426.831.176)	(4.780.504.018)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		110.776.197	259.412.659
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.316.054.979)	(4.521.091.359)

3100
CÔ
TÁCH H
TÍNH K
AA
KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		822.337.773.572	1.152.885.230.951
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(845.520.683.789)	(1.281.907.160.755)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.100.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(23.186.010.217)</i>	<i>(129.021.929.804)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.229.364.020)	(39.318.063.971)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.016.382.263	44.333.813.202
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	633.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>787.018.243</u>	<u>5.016.382.263</u>

Kiều Thị Thu Hương
Người lập

Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2017

105-
TY
HỮU HẠ
TOA
C
P. HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại các sản phẩm ngành thép và một số vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do hoạt động bán than cốc không hiệu quả nên trong năm 2016 Công ty đã giảm kinh doanh mặt hàng này, đồng thời Công ty cũng siết chặt quản lý công nợ nhằm hạn chế tối đa rủi ro. Đây là các nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán hàng và chi phí vận chuyển giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hà Nội	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Hải Phòng	Kinh doanh thép

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)
	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	Hưng Yên	42,14%	42,14%	Sản xuất và kinh doanh thép

Công ty hiện đang trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này dựa trên Báo cáo kiểm toán tại thời điểm 30/09/2014 để chuẩn bị cho việc thanh lý khoản đầu tư này. Từ đó đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên đã gần như ngừng hoạt động, Công ty không thu thập được các tài chính đến thời điểm kiểm toán.

Từ năm 2015, Công ty đã có chủ trương bán đấu giá tài sản và giải thể Công ty liên kết theo tờ trình số 948/TTr-HNS ngày 27/11/2015 về việc bán tài sản Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên và Công văn số 1766/VNS-HDQT ngày 11/12/2015 của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP (Công ty mẹ) chỉ đạo công tác thu hồi vốn tại Công ty liên kết. Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên đã ký kết được hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 05/2016/HĐMBTSDG-LV ngày 30/01/2016. Tài sản bán đấu giá là Lợi thế quyền thuê 67.784 m2 hạ tầng khu công nghiệp và tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp phố Núi A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, giá bán tài sản là 44,04 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên dự kiến hoàn thành công tác bán giao tài sản trong năm 2017. Từ kết quả của giao dịch này, Công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên để thu hồi vốn đầu tư trong năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	17.759.072.100
- Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện kim Việt Trung	61.748.087.925	96.564.404.107
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	21.177.618.000
- Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	50.039.780.120	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	73.704.831.608	44.284.458.632
	206.670.317.653	179.785.552.839
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	137.946.287.255	114.323.476.207
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Đông Nam Á	-	-	2.856.811.228	(1.999.767.850)
Zheshang trading Co., Ltd	-	-	3.710.911.500	-
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	5.084.927.440	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.856.472.979	-	2.769.053.968	-
	7.941.400.419	-	9.336.776.696	(1.999.767.850)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29.353.466	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	25.278.917	-	14.637.391	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	11.222.508	-
Tạm ứng	627.000.949	-	444.375.688	-
Phải thu khác	1.538.109.750	(1.510.030.000)	1.540.300.785	(1.510.030.000)
	2.190.389.616	(1.510.030.000)	2.039.889.838	(1.510.030.000)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
	40.000.000	-	40.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công Nghệ - TID	4.797.383.800	-	4.797.383.800	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	-	21.177.618.000	-
- Các khoản khác	16.741.799.073	304.520.321	19.742.010.301	1.966.269.869
	42.716.800.873	304.520.321	45.717.012.101	1.966.269.869

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	73.440.560.013	(4.312.373.000)	72.158.215.824	(7.454.000.000)
Hàng gửi đi bán	-	-	9.373.502.124	-
	73.440.560.013	(4.312.373.000)	81.531.717.948	(7.454.000.000)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	120.769.026	120.769.026
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà cao tầng tại 20 Tôn Thất Tùng	120.769.026	120.769.026
	120.769.026	120.769.026

01/001
CÔ
RÁCH NH
HÀNG H
A/
KIM KH

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	53.542.062.369	2.087.715.758	5.589.045.606	61.218.823.733
- Mua trong năm	-	215.339.000	-	215.339.000
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.211.492.176	-	-	5.211.492.176
Số dư cuối năm	58.753.554.545	2.303.054.758	5.589.045.606	66.645.654.909
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	34.723.892.608	951.077.000	4.263.362.795	39.938.332.403
- Khấu hao trong năm	3.787.877.920	230.496.514	381.813.533	4.400.187.967
Số dư cuối năm	38.511.770.528	1.181.573.514	4.645.176.328	44.338.520.370
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	18.818.169.761	1.136.638.758	1.325.682.811	21.280.491.330
Tại ngày cuối năm	20.241.784.017	1.121.481.244	943.869.278	22.307.134.539

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.509.562.031 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.462.012.773 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Số dư cuối năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.757.491.340	165.250.000	1.922.741.340
- Khấu hao trong năm	-	27.000.000	27.000.000
Số dư cuối năm	1.757.491.340	192.250.000	1.949.741.340
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	461.521.000	69.750.000	531.271.000
Tại ngày cuối năm	461.521.000	42.750.000	504.271.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.628.802	26.122.491
	19.628.802	26.122.491
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	149.155.902	409.590.243
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	962.461.702	612.154.010
Chi phí sửa chữa văn phòng	14.442.682	86.225.906
Chi phí trả trước dài hạn khác	77.847.519	43.214.674
	1.203.907.805	1.151.184.833

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần ĐTTM và khai thác khoáng sản Vũ Bình	48.176.012.500	48.176.012.500		
Công ty TNHH Hoàng Phú Gia	4.551.813.750	4.551.813.750		
Phải trả các đối tượng khác	7.270.058.980	7.270.058.980	20.826.355.612	20.826.355.612
	59.997.885.230	59.997.885.230	20.826.355.612	20.826.355.612
b) Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh số 37.)	146.573.900	146.573.900	4.509.324.077	4.509.324.077

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Gia công Kim khí	979.921.600	945.796.318
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Kỹ thuật Hải Nam	938.790.829	428.000.000
Các đối tượng khác	279.868.819	6.209.964.660
	2.198.581.248	7.583.760.978

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	11.301.570	18.651.585.721	18.628.588.665	-	-	18.628.588.665	-	-	-	-	34.298.626
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.003.013.516	2.003.013.516	-	-	2.003.013.516	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14.914.000	40.480.524	53.873.524	-	-	53.873.524	-	-	-	-	1.521.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	10.615.654	20.142.154.062	19.492.067.212	-	-	19.492.067.212	-	-	-	-	660.702.504
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	6.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-	3.500.000	-	-	-	-	-
	-	36.831.224	40.846.733.823	40.187.042.917	-	-	40.187.042.917	-	-	-	-	696.522.130

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	104.835.489	151.759.050
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận, vận chuyển hàng hóa	-	175.000.000
- Trích trước chi phí quà tặng khách hàng	730.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	130.000.000	125.000.000
	<u>964.835.489</u>	<u>451.759.050</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23.880.318	23.880.318
- Kinh phí công đoàn	488.638	373.574
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.695.000	79.795.000
- Các khoản phải trả về Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	954.293.525	2.421.886.262
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	902.214.824	616.482.836
	<u>1.957.572.305</u>	<u>3.142.417.990</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	148.329.298.395	148.329.298.395	822.337.773.572	845.520.683.789	125.146.388.178	125.146.388.178
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình (1)	84.411.145.148	84.411.145.148	343.898.908.689	365.938.060.270	62.371.993.567	62.371.993.567
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (2)	31.038.628.747	31.038.628.747	288.318.859.655	286.536.392.031	32.821.096.371	32.821.096.371
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (3)	32.879.524.500	32.879.524.500	178.661.584.279	182.573.588.953	28.967.519.826	28.967.519.826
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (4)	-	-	11.458.420.949	10.472.642.535	985.778.414	985.778.414
	148.329.298.395	148.329.298.395	822.337.773.572	845.520.683.789	125.146.388.178	125.146.388.178

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 491/201-HDTDHM/NHCT124-NHS, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 31/08/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân Hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo là tòa nhà làm việc 5 tầng tại số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 134/2016-HDTDHM/NHCT126-NHS, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 31/08/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân Hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp với ngân hàng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 232/2016-HDTDHM/NHCT129-NHS, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 31/08/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân Hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo bổ sung là toàn bộ lợi thế thương mại và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất có địa chỉ 53 Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM/VCBHN-KKHN, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 14/03/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân Hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 495654 do UBND TP.Hà Nội cấp; 02 xe ô tô theo hợp đồng thế chấp số 01/12-TCTS-oto/NHNT-KKHH.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(26.790.778.997)	66.809.072.782
Lãi trong năm trước	-	-	5.707.160.612	5.707.160.612
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(21.083.618.385)	72.516.233.394
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	(21.083.618.385)	72.516.233.394
Lãi trong năm nay	-	-	7.701.481.113	7.701.481.113
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	(13.382.137.272)	80.217.714.507

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	89,37%	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000
Các cổ đông khác	10,63%	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000
	100%	90.000.000.000	100%	90.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
	3.599.851.779	3.599.851.779

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.024,46	1.037,66

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	1.581.058.102.672	2.235.165.322.735
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.250.074.383	34.565.417.419
	1.621.308.177.055	2.269.730.740.154
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	822.514.160.039	1.001.340.724.052

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	608.491.184	716.161.287
Hàng bán bị trả lại	71.505.323	-
Giảm giá hàng bán	3.302.768.218	1.010.229.110
	<u>3.982.764.725</u>	<u>1.726.390.397</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.540.575.081.497	2.157.770.253.687
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.741.742.341	31.194.851.176
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.141.627.000)	2.081.000.000
	<u>1.563.175.196.838</u>	<u>2.191.046.104.863</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	110.776.197	259.412.659
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	15.038.426.030	14.616.402.150
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	375.998.659	668.406.538
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	633.032
	<u>15.525.200.886</u>	<u>15.544.854.379</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.477.500.481	11.617.209.355
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	970.632.371	316.061.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.659.766	548.055.452
	<u>9.452.792.618</u>	<u>12.481.326.144</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.666.878	137.508.965
Chi phí nhân công	11.862.913.304	13.003.397.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.505.946	83.897.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.895.993.696	64.543.201.975
Chi phí khác bằng tiền	591.500.844	537.183.969
	<u>34.574.580.668</u>	<u>78.305.190.464</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	452.731.269	459.716.978
Chi phí nhân công	9.159.104.271	7.889.534.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	770.088.897	784.268.460
Thuế, phí, lệ phí	1.026.897.376	1.751.266.347
Hoàn nhập dự phòng	(1.338.461.680)	(3.201.153.911)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.208.888.098	4.865.172.400
Chi phí khác bằng tiền	4.615.488.932	6.552.984.228
	18.894.737.163	19.101.789.421

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí thuê đất được miễn giảm đã trích các năm trước	-	12.886.570.033
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn dự án	-	12.000.000.000
Hàng thừa do kiểm kê	852.856.205	-
Thu nhập khác	153.364.152	1.081.424.340
	1.006.220.357	25.967.994.373

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	56.989.824	142.535.958
Chi phí chuyển nhượng quyền góp vốn dự án	-	25.000.000
Chi phí khác	1.055.349	77.991.047
	58.045.173	245.527.005

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.701.481.113	(3.637.739.388)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	314.135.945
- Chi phí không hợp lệ	-	314.135.945
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.701.481.113)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(7.701.481.113)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(3.323.603.443)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế TNDN từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án	-	11.975.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(20.000.000)
- Chi phí tư vấn chuyển nhượng năm 2014 chưa trừ khi tính thuế	-	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	11.955.000.000
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.630.100.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(2.630.100.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.630.100.000
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế	7.701.481.113	5.707.160.612
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.701.481.113	5.707.160.612
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	856	634

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	575.398.147	597.225.943
Chi phí nhân công	20.957.186.367	20.892.932.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.427.187.967	4.397.726.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.738.040.325	72.149.440.994
Chi phí khác bằng tiền	23.448.416.158	33.924.892.931
	79.146.228.964	131.962.219.221

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	787.018.243	-	-	787.018.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.448.426.717	40.000.000	-	166.488.426.717
	<u>167.235.444.960</u>	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>	<u>167.275.444.960</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	5.016.382.263	-	-	5.016.382.263
Phải thu khách hàng, phải thu khác	140.074.468.295	40.000.000	-	140.114.468.295
	<u>145.090.850.558</u>	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>	<u>145.130.850.558</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	125.146.388.178	-	-	125.146.388.178
Phải trả người bán, phải trả khác	61.955.457.535	-	-	61.955.457.535
Chi phí phải trả	964.835.489	-	-	964.835.489
	<u>188.066.681.202</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>188.066.681.202</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tại ngày 01/01/2016

Vay và nợ	148.329.298.395	-	-	148.329.298.395
Phải trả người bán, phải trả khác	23.968.773.602	-	-	23.968.773.602
Chi phí phải trả	451.759.050	-	-	451.759.050
	172.749.831.047	-	-	172.749.831.047

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh sắt thép và cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng		822.514.160.039	1.001.340.724.052
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	21.818.180	21.818.180
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	(1)	169.759.376.540	104.294.612.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(1)	4.482.394.000	45.624.286.700
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(1)	101.472.451.800	63.695.073.800
Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố Hồ Chí Minh	(1)	38.135.280.000	-
Công ty Cổ Phần Thép Đà Nẵng	(2)	94.575.639.800	-
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	(2)	210.544.483.800	265.890.729.500
Công ty TNHH thép VSC - POSCO	(2)	68.422.914.000	70.083.690.700
Công ty Cổ phần Đolômít Việt Nam	(2)	-	28.643.268
Công ty TNHH Natsteelvina	(2)	-	13.723.527.200
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(2)	106.208.122.169	437.978.342.704
Công ty Thép Tây Đô	(2)	28.891.679.750	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		640.461.781.479	1.068.615.841.364
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(1)	-	749.906.680
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	(2)	19.305.962.200	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	(1)	23.309.266.000	-
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(1)	8.427.168.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(2)	226.271.527.400	492.044.008.500
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	(2)	342.141.982.449	529.993.213.324
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(2)	12.800.430.130	36.162.085.460
Công ty TNHH Natsteelvina	(2)	1.138.680.300	1.171.536.000
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	(2)	-	140.773.500
Công ty TNHH Ống Thép Việt Nam	(2)	7.066.765.000	8.354.317.900
Lãi trả chậm		9.468.476.487	11.569.743.452
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(2)	9.326.980.255	11.569.743.452
Công ty Thép Tây Đô	(2)	141.496.232	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		137.946.287.255	114.323.476.207
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	(1)	-	17.759.072.100
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	(2)	61.748.087.925	96.564.404.107
Công ty Thép Tây Đô	(2)	18.657.798.995	-
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	(2)	50.039.780.120	-
Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(1)	990.676.500	-
Công ty Cổ Phần Thép Đà Nẵng	(2)	6.509.943.715	-
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		5.101.427.440	-
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	(2)	5.084.927.440	-
Viện Luyện kim đen	(2)	16.500.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		146.573.900	4.509.324.077
Công ty TNHH Natsteelvina	(2)	-	4.046.451.007
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(2)	-	462.873.070
Công ty TNHH Ống Thép Việt Nam	(2)	146.573.900	-

(1): Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(2): Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.505.552.000	985.059.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Kiều Thị Thu Hương
Người lập



Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2017

